

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2024

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân và bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đinh Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đại C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, chị Dương Thị Đ là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau là tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 7 năm 2015 tại UBND xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn xảy ra cãi chửi nhau. Do không thể tiếp tục chung sống cùng với anh T được nữa nên tháng 10/2015 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam sống, vợ chồng chị sống ly thân mỗi người một

nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Về con chung: Không có.

Về con riêng: Trước khi chị kết hôn với anh T thì chị đã có 02 con riêng, anh T đã có 02 con riêng. Khi ly hôn chị đề nghị con riêng của ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị T. Xử lý hôn giữa chị Dương Thị Đ và anh Nguyễn Văn T. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Dương Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Tiếp là bị đơn; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Đ và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 7 năm 2015 tại UBND xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được hơn một tháng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sống không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ tháng 10/2015 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của đương sự thì mâu thuẫn của vợ chồng chị Đ và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đ xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về con riêng: Trước khi chị Đ và anh T kết hôn với nhau chị Đ đã có hai con riêng, anh T có 02 con riêng, hiện nay con riêng của chị Đ đang ở với chị Đ, con riêng của anh T đang ở với anh T. Khi ly hôn chị Đ không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết mà con riêng của ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[6] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Dương Thị Đ và anh Nguyễn Văn T.
2. Án phí: Chị Dương Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số

0000114 ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị Đ đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THÂM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt